



ISO 9001: 2015

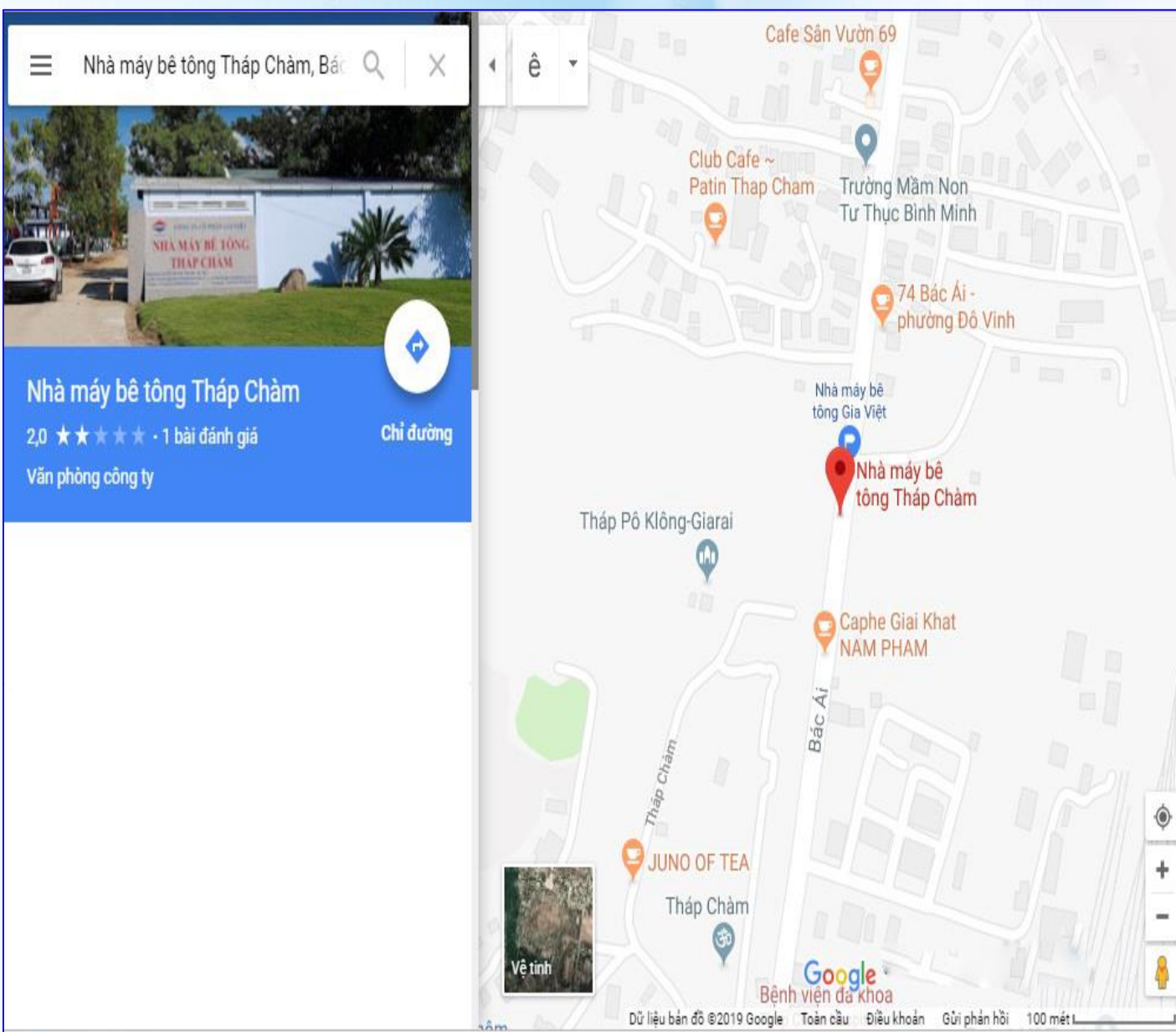


HỒ SƠ NĂNG LỰC CAPACITY PROFILE

**Nhà Máy Bê Tông Tháp Chàm: Đường Bác
Ái, P.Đô Vinh, TP PR-TC, Ninh Thuận**
*Thap Cham concrete plant: Bac Ai street, Do Vinh ward, PR-
TC city, Ninh Thuan province*

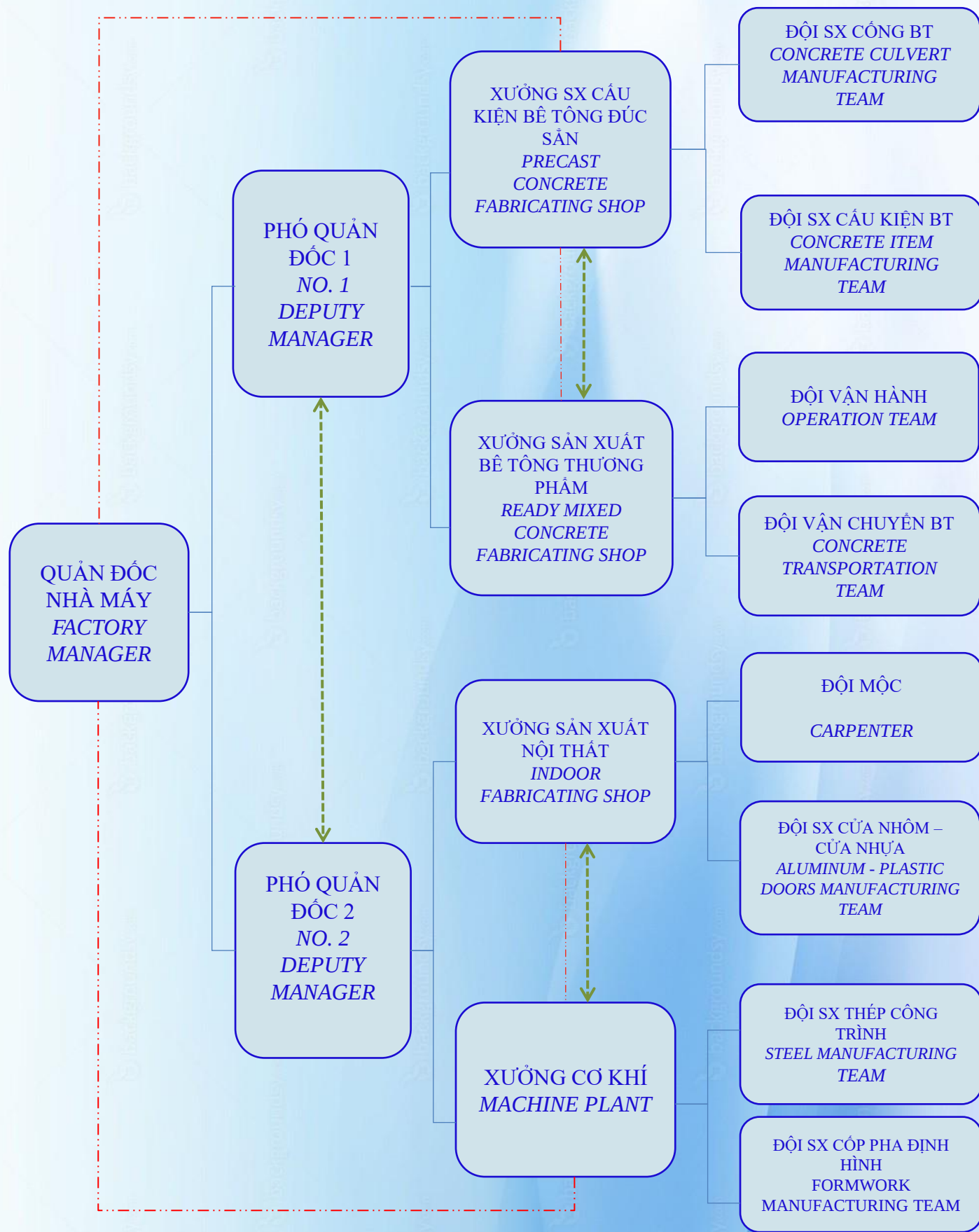
Điện Thoại/Tel: (02593) 883 999

NHÀ MÁY BÊ TÔNG THÁP CHÀM *THAP CHAM CONCRETE PLANT*



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

ORGANIZATION CHART



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

ORGANIZATION CHART

QUẢN ĐỐC NHÀ MÁY
FACTORY MANAGER

PHÓ QUẢN ĐỐC 1
NO. 1 DEPUTY MANAGER

XƯỞNG SẢN XUẤT BÊ TÔNG THƯỜNG PHẨM
READY MIXED CONCRETE
FABRICATING SHOP

XƯỞNG SX CẤU KIỆN BÊ TÔNG ĐÚC SẴN
PRECAST CONCRETE FABRICATING SHOP

ĐỘI VẬN CHUYỀN BT
CONCRETE
TRANSPORTATION
TEAM

ĐỘI VẬN HÀNH
OPERATION
TEAM

ĐỘI SX CẤU KIỆN
BÊ TÔNG
CONCRETE ITEM
MANUFACTURING
TEAM

ĐỘI SX CÔNG BÊ
TÔNG
CONCRETE CULVERT
MANUFACTURING
TEAM

Tổ Lái xe bồn bê tông

Tổ vận hành máy bơm
bê tông

Vận Hành Trạm 01
Nguyễn Việt Bắc

Vận Hành Trạm 03
Lộ Phú Lộc

Vận Hành Trạm 02
Hàng Minh Tuấn

Thí Nghiệm Trạm 01
Bùi Phan Duy

Thí Nghiệm Trạm 02
Tài Đại Sáng

Thí Nghiệm Trạm 03
Nguyễn Đức Hiếu

Tổ sản xuất cấu kiện
bê tông

Tổ sản xuất gạch
không nung

Tổ sản xuất công
tròng bê tông

Tổ sản xuất cống
vuông bê tông

QUY TRÌNH SẢN XUẤT

PRODUCTION PROCESS

TIẾN TRÌNH	KIỂM SOÁT	TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG
NGUYÊN LIỆU	Nguyên vật liệu được kiểm soát chặt chẽ theo Tiêu chuẩn Việt Nam và Hệ thống QLCL ISO 9001:2015. Việc kiểm soát được thực hiện liên tục để đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật. Xi măng: PCB40, PCB50-MS Vicem Hà Tiên Cát: Cát vàng Sông Dinh mỏ Phước Sơn Đá: Cô Lô, Đèo Càu Phụ Gia: Sika Nước: Nước thủy cục đạt chuẩn	TCVN 6260:2009 TCVN 7572:2006 TCVN 7570:2006 TCVN 8826:2011 ISO 9001:2015
HỆ THỐNG ĐỊNH LƯỢNG	Hệ thống định lượng được hiệu chuẩn/ Kiểm định định kỳ, đảm bảo độ chính xác cao	ISO 9001:2015
HỆ THỐNG PHỐI TRỘN	Thực hiện phối trộn bê tông theo đúng cấp phối thiết kế và quy trình kỹ thuật.	TCVN 9340:2012
KIỂM TRA ĐỘ SỤT	Hỗn hợp bê tông trước khi xuất xưởng được kiểm tra đảm bảo độ sụt	ISO 9001:2015 TCVN 3106:1993
VẬN CHUYỂN	Tuân thủ quy trình vận hành xe vận chuyển và các yêu cầu đảm bảo chất lượng bê tông. Khi trời mưa có tấm che phủ, bồn trộn của xe vận chuyển luôn được quay trong khi vận chuyển cho đến khi xả bê tông vào công trình.	ISO 9001:2015
GIAO NHẬN	Thực hiện theo đúng quy trình giao nhận sản phẩm. Tuân thủ các yêu cầu khác của khách hàng tại công trường.	ISO 9001:2015
KIỂM TRA SẢN PHẨM	Lấy và bảo dưỡng mẫu theo Tiêu chuẩn Việt Nam Kiểm tra tính chất cơ lý bê tông tại phòng LASXD.	ISO 9001:2015 TCVN 3118:1993 TCVN 4453:1995 TCVN 239:2006 TCVN 3105:1993
KẾT THÚC QUÁ TRÌNH	Giao nhận kết quả kiểm tra mẫu bê tông và lưu hồ sơ theo hệ thống QLCL ISO 9001:2015	ISO 9001:2015

QUY TRÌNH SẢN XUẤT

PRODUCTION PROCESS

PROCESS	CONTROLL	APPLIED STANDARDS
MATERIAL	Material shall be controlled strictly according to Vietnamese Standards and ISO 9001:2015 quality management system. The control works are carried out continuously to ensure technical standards. Cement: PCB40, PCB50-MS Vicem Ha Tien Sand: Yellow sand exploited in Dinh River, Phuoc Son mine Stone: Co Lo, Deo Cau Admixture: Sika Water: Standard tap water	TCVN 6260:2009 TCVN 7572:2006 TCVN 7570:2006 TCVN 8826:2011 ISO 9001:2015
MEASUREMENT SYSTEM	Measurement system is calibrated/ inspected periodically, ensured the high accuracy.	ISO 9001:2015
MIXING SYSTEM	The mixing work is carried out according to mix design and technical procedure.	TCVN 9340:2012
SLUMP TESTING	Concrete is checked prior to leaving factory in order to ensure the slump.	ISO 9001:2015 TCVN 3106:1993
TRANSPORTATION	Comply with the transport vehicle operating process and requirements to ensure the concrete quality. When it is raining, there is a cover for funnel. The mixing tank is always rotated during transport until concrete discharged into the site.	ISO 9001:2015
DELIVERY	Follow the product delivery process Comply with delivery process and client's requirements in site.	ISO 9001:2015
PRODUCTION INSPECTION	Take samples and maintain them according to TCVN. Check the physico-mechanical properties at LASXD	ISO 9001:2015 TCVN 3118:1993 TCVN 4453:1995 TCVN 239:2006 TCVN 3105:1993
FINISHED PROCESS	Delivery the test result of concrete sample and save the document according to ISO 9001:2015 QMS	ISO 9001:2015

MỘT SỐ LƯU Ý KHI SẢN XUẤT BÊ TÔNG DÙNG CHO KHỐI LỚN CÓ NHIỆT ĐỘ $\leq 35^{\circ}\text{C}$

SOME NOTES WHEN MANUFACTURING CONCRETE FOR LARGE BLOCK TEMPERATURE $\leq 35^{\circ}\text{C}$

Nguyên vật liệu:

- Cát, đá dăm được kiểm soát theo tiêu chuẩn TCVN 7572:2006 ; TCVN 7050:2006
- Phun nước lên đá dăm, sỏi: Đá dăm, sỏi trong bãi chứa được phun nước theo chu kỳ để giữ ướt bề mặt tạo cơ chế nước bay hơi làm hạ nhiệt độ vật liệu.

Nước trộn bê tông:

- Nước được kiểm soát theo tiêu chuẩn TCVN 4506 : 2012
- Sử dụng nước đá hoặc làm lạnh nước qua hệ thống Chiller để nhiệt độ nước xuống khoảng $\leq 10^{\circ}\text{C}$. (Xem sơ đồ hoạt động của hệ thống Chiller)

Xi măng:

- Sử dụng loại Xi măng poóc lăng thông thường và được kiểm soát theo tiêu chuẩn TCVN 6260:2009
- Xi măng được bơm lên silô dự trữ trước nhằm giảm nhiệt độ của xi măng.

Phụ gia:

- Kiểm soát theo tiêu chuẩn TCVN 8826:2011
- Các phụ gia sau đây thường dùng trong bê tông khối lớn: phụ gia giảm nước (phụ gia dẻo hóa, dẻo hóa cao, hay siêu dẻo); phụ gia chậm ninh kết.
- Phụ gia sử dụng cần có chứng chỉ chất lượng của nhà sản xuất, và phải có thử nghiệm tính năng của phụ gia trong quá trình thiết kế thành phần bê tông.

Thiết kế thành phần cấp phối:

- Thành phần bê tông phải đảm bảo nhận được bê tông có cường độ và độ chống thấm đạt yêu cầu thiết kế. Bê tông phải sử dụng được các vật liệu sẵn có tại địa phương, đạt được yêu cầu về độ công tác để dễ thi công, và có hàm lượng xi măng ít nhất.
- Để giảm lượng dùng xi măng trong bê tông, đối với các công trình có nhu cầu chịu tải muộn hơn 28 ngày tuổi, có thể thiết kế mác bê tông ở tuổi 60, 90 ngày đến 1 năm.



MỘT SỐ LƯU Ý KHI SẢN XUẤT BÊ TÔNG DÙNG CHO KHỐI LỚN CÓ NHIỆT ĐỘ $\leq 35^{\circ}\text{C}$

SOME NOTES WHEN MANUFACTURING CONCRETE FOR LARGE BLOCK TEMPERATURE $\leq 35^{\circ}\text{C}$

Materials:

- Sand and crushed stone are controlled according to TCVN 7572: 2006 standard; TCVN 7050: 2006
- Spraying water on crushed stone, gravel: Crushed stone and gravel in the storage yard are sprayed with water periodically to keep the surface wet to create evaporation mechanism to lower the material temperature.

Concrete mixing water:

- Water is controlled according to TCVN 4506: 2012
- Use ice or cool water through the Chiller system to bring the water temperature down to about $\leq 10^{\circ}\text{C}$. (See the operation diagram of the Chiller system)

Cement:

Using conventional Portland cement and controlled according to TCVN 6260: 2009

Cement is pumped onto the silo for storage to reduce the cement's temperature.

Additives:

Controlled according to TCVN 8826: 2011

The following types of additives are commonly used in large concrete: water additive (plasticizer, high plasticizer, or superplasticizer); Slow setting subgia.

The additive used should have the manufacturer's certificate of quality and the additive properties checked during the design of the concrete.

Design into partial distribution:

- Component concrete must ensure that the concrete has strength and water resistance that meets the design requirements. Concrete must use locally available materials, meet job requirements, be easy to apply and have minimum cement content.

In order to reduce the use of cement in concrete, for works with loads requiring a load earlier than 28 days, concrete can be designed at the age of 60, 90 days to 1 year.

DANH MỤC THIẾT BỊ-MÁY MÓC

EQUIPMENT-MACHINES LIST

STT No.	Mô tả Description	Năng suất Capacity	Số lượng Quantity	Ghi chú Remarks
1	Hệ thống trộn SICOMA BM60 Mixing system SICOMA BM60	60 m ³ /giờ 60 m ³ /hour	2	
2	Hệ thống trộn SICOMA BM90 Mixing system SICOMA BM90	90 m ³ /giờ 90 m ³ /hour	1	
3	Hệ thống cân phễu Funnel Measurment system	20 kg – 2500 kg	12	
4	Hệ thống làm lạnh Cooling system	90 m ³ /giờ 90 m ³ /hour	1	
5	Xe bồn vận chuyển bê tông Concrete truck	6 -12 m ³ /xe 6 – 12 m ³ /truck	20	
6	Bơm bê tông Concrete pump	Bơm cần 37m – 45m 37m – 45m truck mounted truck pump	3	
7	Bơm bê tông Concrete pump machine	Bơm tĩnh 100m ³ /giờ Static pump 100m ³ /hour	2	
8	Hệ thống sản xuất công BTCT Fabrication system of RC culvert	Đường kính: D300 đến D1500 Tải trọng: H10; H30 Diameter: D300 to D1500 Load: H10; H30	1	
9	Hệ thống sản xuất gạch không nung Fabrication system of concrete brick	4000 viên/ngày 4000 brick/day	1	
10	Ô tô tải tự đổ Dump Truck	13 tấn/ tons	12	
11	Ô tô tải tự đổ Dump Truck	14 Tấn/ tons	15	
12	Ô tô tải tự đổ Dump Truck	6 Tấn/ tons	6	
13	Ô tô cầu Crane truck	10 Tấn/ tons	2	
14	Xe xúc lật Backhoe	Dung tích gầu: 2 m ³ Bucket volume: 2m ³	3	
15	Máy cắt, uốn thép Cut machine	5KW	10	
16	Máy phát điện 3 pha Generator	63KVA	2	
17	Máy hàn Weld machine	5-10KW	15	
18	Máy dùi bê tông Concrete vibrate compactor	1,7KW	20	
19	Máy cắt bê tông Jeonil Cutting machine	5 KW	2	
20	Một số thiết bị khác Other			

CỔNG TRÒN BÊ TÔNG CỐT THÉP

RC PILE CULVERT

	CÔNG TRÒN PILE CULVERT	THIẾT KẾ TẢI TRỌNG DESIGN LOAD	KÍCH THƯỚC/ DIMENTION			KHỐI LƯỢNG BÊ TÔNG CONCRETE WEIGHT (M³)	KHỐI LƯỢNG THÉP STEEL WEIGHT (KG)		TRỌNG LƯỢNG TRUNG BÌNH AVERAGE WEIGHT (KG)	
			ĐƯỜNG KÍNH TRONG INNER DIAMETER (MM)	ĐƯỜNG KÍNH NGOÀI OUTER DIAMETER (MM)	CHIỀU DÀI LẮP ĐẶT INSTALL ATION LENGTH (MM)		H10	H30	H10	H30
1	Cống tròn BTCT D300 D300 RC pile culvert	H10 & H30	300	380	4000	0,19	11,84	12,30	467	468
2	Cống tròn BTCT D400 D400 RC pile culvert		400	500	4000	0,29	16,50	18,05	717	719
3	Cống tròn BTCT D600 D600 RC Pile culvert		600	720	4000	0,52	29,87	34,76	1266	1271
4	Cống tròn BTCT D800 D800 RC pile culvert		800	960	4000	0,92	42,76	50,38	2246	2254
5	Cống tròn BTCT D1000 D1000 RC pile culvert		1000	1200	4000	1,40	61,49	62,10	3430	3436
6	Cống tròn BTCT D1200 D1200 Pile culvert		1200	1440	3000	1,6	80,68	90,17	3933	3942
7	Cống tròn BTCT D1500 D1500 RC pile culvert		1500	1740	3000	1,88	110,49	140,7	4622	4653



NĂNG LỰC MÁY MÓC THIẾT BỊ EQUIPMENT CAPACITY



Xe bồn vận chuyển bê tông/
tank truck 6-12 m³



Xe bơm tĩnh
Static pump truck



Xe bơm cần/ Truck mounted pump

NĂNG LỰC MÁY MÓC THIẾT BỊ *EQUIPMENT CAPACITY*



Hệ thống trộn bê tông/ *Concrete mixing system*



**Hệ thống sản xuất bê tông lạnh
*Cool concrete production system***

NĂNG LỰC MÁY MÓC THIẾT BỊ *EQUIPMENT CAPACITY*



Hệ thống điều khiển tự động
Automatic control system

CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

TYPICAL PROJECTS

- Dự án điện gió Đầm Nai là dự án năng lượng sạch đầu tiên được GIA VIỆT khởi công và hoàn thành trong vòng 6 tháng.
- *Dam Nai wind power is the first renewable energy project commenced and completed by GIA VIET within 6 months*

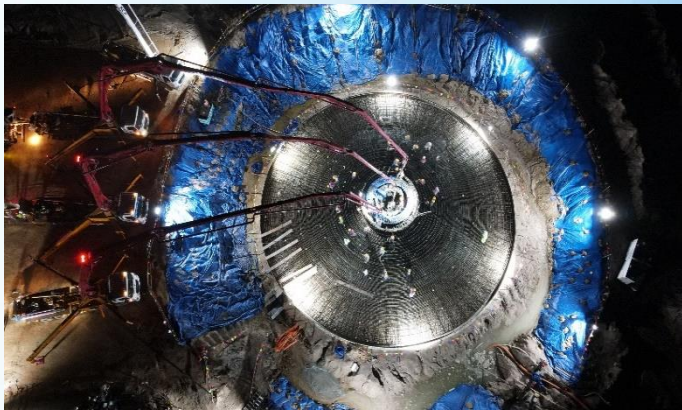


- ❖ Là Dự Án với vốn đầu tư nước ngoài mang đến nhiều thuận lợi cho GIA VIỆT nói riêng và nền kinh tế tỉnh nhà nói chung.
- ❖ *It is a project with foreign investment. It brings many economic advantages for GIA VIET and province as well.*

CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU *TYPICAL PROJECTS*

ĐỰ ÁN ĐIỆN GIÓ BIM

BIM WIND POWER PROJECT



GIA VIỆT là đơn vị thi công và cung cấp bê tông cho toàn dự án.

GIA VIỆT is the construction and supplier of concrete for the project.



CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

TYPICAL PROJECTS



DỰ ÁN ĐIỆN GIÓ 7A

7A WIND POWER PROJECT



CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

TYPICAL PROJECTS

- Dự án điện năng lượng mặt trời Bim là dự án năng lượng tái tạo được GIA VIỆT cung cấp bê tông tươi
- *Bim Solar Power Project is a renewable energy project, the fresh concrete is supplied by GIA VIET.*



- ❖ Dự án điện năng lượng tái tạo Shapoji của Ấn Độ được GIA VIỆT cung cấp bê tông tươi.
- ❖ *Shapoi renewable energy project of India supplied fresh concrete by GIA VIET*

CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

TYPICAL PROJECTS



Điện mặt trời Trung Nam – Ninh Thuận
Trung Nam – Ninh Thuan Solar Power



Điện mặt trời Thuận Nam 13
Thuan Nam 13 Solar Power

CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

TYPICAL PROJECTS



Điện mặt trời Thuận Nam 19
Thuan Nam 19 Solar Power



Điện mặt trời Mỹ Sơn
My Son Solar Power



CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

TYPICAL PROJECTS



Hệ thống cọc nhồi huyện Thuận Bắc
Cast-in-place pile system in Thuan Bac District



Công trình dân dụng
Civil works

CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

TYPICAL PROJECTS



Công trình đường giao thông

Road works

CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

TYPICAL WORKS



Dự án khu du lịch Hoàn Mỹ
Hoan My resort project

CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

TYPICAL PROJECTS



Dự án khu nghỉ dưỡng cao cấp AMANIA - NINH CHỮ
AMANIA - NINH CHỮ LUXURY RESORT PROJECT



Khách sạn SUNRISE
SUNRISE HOTEL

CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

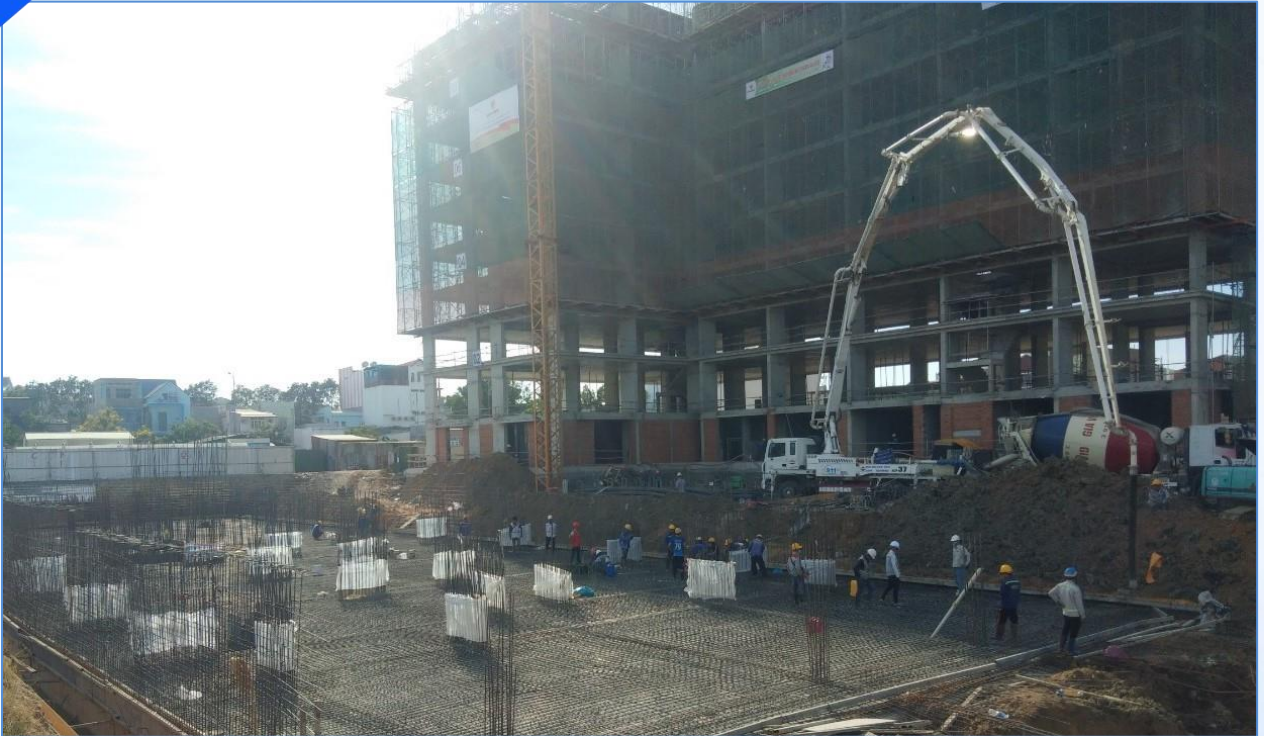
TYPICAL PROJECTS



Khu nhà ở xã hội Hacom GalaCity
Hacom GalaCity Social housing area

CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

TYPICAL PROJECTS



Khu nhà ở xã hội Hacom GalaCity
Hacom GalaCity Social housing area

CHỨNG NHẬN ISO 9001:2015

ISO 9001:2015 CERTIFICATE

MANAGEMENT SYSTEMS CERTIFICATION



CERTIFICATE

This is to confirm that the Quality Management System of

GIA VIET JOINT STOCK COMPANY

Head Office: 57 Ngo Gia Tu, Thanh Son Ward, Phan Rang- Thap Cham City, Ninh Thuan Province, Vietnam.

has been adequately implemented and maintained in accordance with the standard

ISO 9001:2015

for the following scope:

Provision of general trading.

Provision of construction activities including of civil engineering and industrial construction, water supply, bridges, roads, irrigation works and installation of electrical system (up to 35KV) and lighting electrical system.

Manufacturing of plastic windows cored steel.

Registration Number:	VN.0007.1
Date of certificate issue:	10.10.2017
Initial certification date:	21.08.2014
Date of certificate expiration:	21.08.2020

Managing Director

InterConformity GmbH, Rupert-Mayer-Str. 44, 81379 München, Germany - European Union

JAS-ANZ



www.jas-anz.org/register



GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN CÔNG BTCT

CERTIFICATE OF STANDARD CONFORMITY OF REINFORCED CONCRETE

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 2
Địa chỉ: 97 Lý Thái Tổ, Thanh Khê, Đà Nẵng – 02 Ngô Quyền, Sơn Trà, Đà Nẵng
Điện thoại: 0236.3821113 Fax: 0236.3910064

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: 12519009

Chứng nhận sản phẩm:

ỐNG BÊ TÔNG CỐT THÉP THOÁT NƯỚC

Tên sản phẩm; Thông số kỹ thuật, Cấp tải, Ký hiệu sản phẩm:
xem Phụ lục kèm theo

Được sản xuất tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA VIỆT

Địa chỉ:

Văn phòng: 57 Ngô Gia Tự, phường Thanh Sơn,
thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

Nơi sản xuất: đường Bác Ái, phường Đô Vinh,
thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

Phù hợp với Tiêu chuẩn:

TCVN 9113:2012

VÀ ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG DẤU HỢP CHUẨN

Phương thức chứng nhận:

Phương thức 5

(Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Giấy chứng nhận và dấu chứng nhận có giá trị:

từ ngày **05/6/2019** đến ngày **04/6/2022**

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 6 năm 2019



TCVN 9113:2012

Mẫu dấu hợp chuẩn



PHÓ GIÁM ĐỐC
Ngô Thị Như Loan

PHỤ LỤC
DANH MỤC SẢN PHẨM ĐƯỢC CHỨNG NHẬN

(kèm theo Giấy chứng nhận: 12519009 ngày 05/6/2019)

TT	Tên sản phẩm	Thông số kỹ thuật	Cấp tải	Ký hiệu sản phẩm ^(*)
1	Ống bê tông cốt thép thoát nước	D _{dn} = 300 mm; L _{hd} = 4000 mm; M300	T	D300-H10
			TC	D300-H30
2		D _{dn} = 400 mm; L _{hd} = 4000 mm; M300	T	D400-H10
			TC	D400-H30
3		D _{dn} = 600 mm; L _{hd} = 4000 mm; M300;	T	D600-H10
			TC	D600-H30
4		D _{dn} = 800 mm; L _{hd} = 4000 mm; M300;	T	D800-H10
			TC	D800-H30
5		D _{dn} = 1000 mm; L _{hd} = 4000 mm; M300;	T	D1000-H10
			TC	D1000-H30
6		D _{dn} = 1200 mm; L _{hd} = 3000 mm; M300;	T	D1200-H10
			TC	D1200-H30
7		D _{dn} = 1500 mm; L _{hd} = 3000 mm; M300;	T	D1500-H10
			TC	D1500-H30

Ghi chú:

- D_{dn}: Đường kính danh nghĩa;
- L_{hd}: Chiều dài hiệu dụng;
- T: Cấp tải thấp;
- TC: Cấp tải tiêu chuẩn;
- (*): Ký hiệu do nhà sản xuất quy định

**GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP QUY CÁT DÙNG CHO BÊ TÔNG VÀ
VỮA – CÁT THÔ**
**CERTIFICATE OF CONFORMITY CERTIFICATE FOR CONCRETE
CONCRETE AND MASONRY - COARSE SAND**

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 2
Địa chỉ: 97 Lý Thái Tổ, Thanh Khê, Đà Nẵng – 02 Ngô Quyền, Sơn Trà, Đà Nẵng
Điện thoại: 0236.3821113 Fax: 0236.3910064

GIẤY CHỨNG NHẬN
Số: 11519010

Chứng nhận sản phẩm:

Cát tự nhiên dùng cho bê tông và vữa – Cát thô

Được sản xuất tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA VIỆT

Địa chỉ:

Văn phòng: 57 Ngô Gia Tự, phường Thanh Sơn,
thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam
Nơi sản xuất: Phước Thiện – Lương Can, xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước và
Xã Nhơn Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

Phù hợp với Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia:

QCVN 16:2017/BXD

VÀ ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG DẤU HỢP QUY

Phương thức chứng nhận:

Phương thức 5

(Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Giấy chứng nhận có giá trị:

từ ngày 05/6/2019 đến ngày 04/6/2022

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 6 năm 2019



Mẫu dấu hợp quy



PHÓ GIÁM ĐỐC
Ngô Thị Như Loan

UBND TỈNH NINH THUẬN
SỞ XÂY DỰNG
Số 284/TB-SXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Ninh Thuận, ngày 24 tháng 9 năm 2019

**THÔNG BÁO
TIẾP NHẬN HỒ SƠ CÔNG BỐ HỢP QUY**

Sở Xây dựng Ninh Thuận xác nhận đã tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy số 04/2019/CBSP-GV ngày 12/9/2019 của:

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA VIỆT

Địa chỉ: Số 57, đường Ngô Gia Tự, phường Thanh Sơn, thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Điện thoại: 0259.3897897

Cho sản phẩm, hàng hoá, quá trình, dịch vụ, môi trường:

Sản phẩm: **CÁT TỰ NHIÊN DÙNG CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA – CÁT KHÔ**

Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật (số hiệu, ký hiệu, tên gọi quy chuẩn kỹ thuật):

**QCVN 16:2017/BXD – QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ SẢN PHẨM, HÀNG HÓA VẬT LIỆU XÂY DỰNG**

(Có giá trị đến ngày 04 tháng 6 năm 2022)

Thông báo này ghi nhận sự cam kết của tổ chức, cá nhân. Thông báo này không có giá trị chứng nhận cho sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường phù hợp với tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

Công ty cổ phần Gia Việt phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường do mình sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, khai thác.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Công ty Cổ phần Gia Việt;
- Lưu: VT, QLHXD&KTKT.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Hồ Ngọc Tiến



**CÔNG TY CỔ PHẦN
GIA VIỆT**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY
Số: 04/2019/CBSP-GV

Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN GIA VIỆT**

Địa chỉ: Số 57, đường Ngô Gia Tự, phường Thanh Sơn, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Điện thoại: 0259.3897897; 0259.3973973 Fax: 0259.3837817.

E-mail: giaviet@giavietninhthuan.com.vn

CÔNG BỐ:

Sản phẩm:

**- CÁT TỰ NHIÊN DÙNG CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA – CÁT KHÔ PHÙ HỢP
VỚI QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA: QCVN 16-2017/BXD.**

Được sản xuất bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN GIA VIỆT.**

Phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật:

**QCVN 16:2017/BXD QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ SẢN
PHẨM, HÀNG HÓA VẬT LIỆU XÂY DỰNG.**

Thông tin bổ sung:

- Căn cứ Giấy chứng nhận hợp quy của sản phẩm Cát tự nhiên dùng cho bê tông và vữa - Cát khô do Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 2 cấp ngày 05/6/2019.

- Phương thức đánh giá: Phương thức 5, theo Thông tư 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 và Thông tư 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

Công ty Cổ phần Gia Việt cam kết và chịu trách nhiệm về tính phù hợp của Sản phẩm Cát tự nhiên dùng cho bê tông và vữa - Cát khô do mình sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, khai thác.

Ninh Thuận, ngày 12 tháng 9 năm 2019.



GIÁM ĐỐC

Trịnh Thế Cường

KIỂM ĐỊNH HỆ THỐNG CÂN

CALIBRATION OF MEASUREMENT SYSTEM

CÔNG TY CP ĐO LƯỜNG
CHẤT LƯỢNG KV2 (ĐK 388)
KV2 QUALITY MEASUREMENT
CORPORATION

Địa chỉ: Số 1F Thống Nhất, Đài Sơn, TP Phan Rang
Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận
Tel/Fax: 0259. 38 39 711; 090 8040451
Email: doluongchatluongkv2@gmail.com

BM 02/CT-QT5.10
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness



Số: 99/21 HT/2020

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CERTIFICATE OF CALIBRATION

Ngày: 28/07/2020

- Phương tiện đo: Cân phối trộn (Nước)
Measuring Instrument
- Kiểu/Type: Kinco Số hiệu: 03
- Nơi sản xuất: KR
Manufacturer
- Đặc trưng kỹ thuật: Max = 300 kg; d = 1 kg; CCX III;
Hệ số K: 0,0139
Specifications
- Nơi sử dụng: Nhà máy Bê tông Tháp Chàm
P. Đô Vinh, Tp. Phan Rang Tháp Chàm, Ninh Thuận
Place
- Người/Đơn vị sử dụng: Công ty CP Gia Việt
User
- Nơi hiệu chuẩn: Nhà máy Bê tông Tháp Chàm
Place of calibration
- Phương pháp hiệu chuẩn: ĐLHC 02:2018
Method of calibration
- Phương tiện hiệu chuẩn: Bộ quả cân cấp chính xác M₁; F1
Means of calibration
- Liên kết chuẩn: Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 2
Traceable to
- Điều kiện môi trường: Nhiệt độ: 27 °C; Độ ẩm: 65% RH
Environmental conditions
- Kết luận: Xem kết quả trang 02
Conclusion
- Tem hiệu chuẩn/Calibration label: 20A.000027
- Ngày hiệu chuẩn/Date of calibration: 28/07/2020
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn tiếp theo: 28/07/2021
Recalibration date should be recommended

TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT

GIÁM ĐỐC

Bùi Hoàng Long



Huỳnh Ngọc Thủy Tiên

Số: 99/21 HT/2020

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

RESULTS OF CALIBRATION

Ngày: 28/07/2020

Mức cân <i>Capacity</i> (kg)	Tăng tải <i>Increase</i>			Giảm tải <i>Decrease</i>			Độ không đảm bảo đo <i>Uncertainty</i> <i>of</i> <i>measurement</i> (± kg)
	Giá trị đọc <i>Reading</i> (kg)	Sai lệch <i>Error</i> (kg)	Số hiệu chỉnh <i>Correction</i> (kg)	Giá trị đọc <i>Reading</i> (kg)	Sai lệch <i>Error</i> (kg)	Số hiệu chỉnh <i>Correction</i> (kg)	
20	20	0	0	20	0	0	1,29
100	100	0	0	100	0	0	1,29
150	151	1	-1	151	1	-1	1,29
200	201	1	-1	201	1	-1	1,29
300	302	2	-2	/	/	/	1,29

**CÔNG TY CP ĐO LƯỜNG
CHẤT LƯỢNG KV2 (ĐK 388)
KV2 QUALITY MEASUREMENT
CORPORATION**

Địa chỉ: Số 1F Thống Nhất, Đài Sơn, TP Phan Rang
Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận
Tel/Fax: 0259. 38 39 711; 090 8040451
Email: doluongchatluongkv2@gmail.com

BM 02/CT-QT5.10
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness



Số: 97/21 HT/2020

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Ngày: 28/07/2020

- Phương tiện đo: Cân phối trộn (Cốt liệu)
Measuring Instrument
- Kiểu/Type: Kinco Số hiệu: 01
- Nơi sản xuất: KR
Manufacturer
- Đặc trưng kỹ thuật: Max = 2 000 kg; d = 2 kg; CCX III;
Specifications Hệ số K: 0,1315
- Nơi sử dụng: Nhà máy Bê tông Tháp Chàm
Place P. Đô Vinh, Tp. Phan Rang Tháp Chàm, Ninh Thuận
- Người/Đơn vị sử dụng: Công ty CP Gia Việt
User
- Nơi hiệu chuẩn: Nhà máy Bê tông Tháp Chàm
Place of calibration
- Phương pháp hiệu chuẩn: ĐLHC 02:2018
Method of calibration
- Phương tiện hiệu chuẩn: Bộ quả cân cấp chính xác M₁; F1
Means of calibration
- Liên kết chuẩn: Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 2
Traceable to
- Điều kiện môi trường: Nhiệt độ: 27 °C; Độ ẩm: 65% RH
Environmental conditions
- Kết luận: Xem kết quả trang 02
Conclusion
- Tem hiệu chuẩn/Calibration label: 20A.000027
- Ngày hiệu chuẩn/Date of calibration: 28/07/2020
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn tiếp theo: 28/07/2021
Recalibration date should be recommended

TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT

GIÁM ĐỐC

Bùi Hoàng Long



Huỳnh Ngọc Thủy Tiên

Số: 97/21 HT/2020

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

RESULTS OF CALIBRATION

Ngày: 28/07/2020

Mức cân <i>Capacity</i> (kg)	Tăng tải <i>Increase</i>			Giảm tải <i>Decrease</i>			Độ không đảm bảo đo <i>Uncertainty</i> <i>of</i> <i>measurement</i> (± kg)
	Giá trị đọc <i>Reading</i> (kg)	Sai lệch <i>Error</i> (kg)	Số hiệu chỉnh <i>Correction</i> (kg)	Giá trị đọc <i>Reading</i> (kg)	Sai lệch <i>Error</i> (kg)	Số hiệu chỉnh <i>Correction</i> (kg)	
20	20	0	0	20	0	0	2,58
1 000	1 000	0	0	1 000	0	0	2,58
1 200	1 202	2	-2	1 202	2	-2	2,58
1 700	1 702	2	-2	1 702	2	-2	2,58
2 000	2 004	4	-4	/	/	/	2,58

**CÔNG TY CP ĐO LƯỜNG
CHẤT LƯỢNG KV2 (ĐK 388)
KV2 QUALITY MEASUREMENT
CORPORATION**

Địa chỉ: Số 1F Thống Nhất, Đài Sơn, TP Phan Rang
Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận
Tel/Fax: 0259. 38 39 711; 090 8040451
Email: doluongchatluongkv2@gmail.com

BM 02/CT-QT5.10
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness



Số: 98/21 HT/2020

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Ngày: 28/07/2020

- Phương tiện đo: Cân phối trộn (Xi măng)
Measuring Instrument
- Kiểu/Type: Kinco Số hiệu: 02
- Nơi sản xuất: KR
Manufacturer
- Đặc trưng kỹ thuật: Max = 500 kg; d = 1 kg; CCX III;
Specifications Hệ số K: 0,0245
- Nơi sử dụng: Nhà máy Bê tông Tháp Chàm
Place P. Đô Vinh, Tp. Phan Rang Tháp Chàm, Ninh Thuận
- Người/Đơn vị sử dụng: Công ty CP Gia Việt
User
- Nơi hiệu chuẩn: Nhà máy Bê tông Tháp Chàm
Place of calibration
- Phương pháp hiệu chuẩn: ĐLHC 02:2018
Method of calibration
- Phương tiện hiệu chuẩn: Bộ quả cân cấp chính xác M₁; F1
Means of calibration
- Liên kết chuẩn: Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 2
Traceable to
- Điều kiện môi trường: Nhiệt độ: 27 °C; Độ ẩm: 65% RH
Environmental conditions
- Kết luận: Xem kết quả trang 02
Conclusion
- Tem hiệu chuẩn/Calibration label: 20A.000027
- Ngày hiệu chuẩn/Date of calibration: 28/07/2020
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn tiếp theo: 28/07/2021
Recalibration date should be recommended

TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT

GIÁM ĐỐC

Bùi Hoàng Long



Huỳnh Ngọc Thủy Tiên

Số: 98/21 HT/2020

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

RESULTS OF CALIBRATION

Ngày: 28/07/2020

Mức cân <i>Capacity</i> (kg)	Tăng tải <i>Increase</i>			Giảm tải <i>Decrease</i>			Độ không đảm bảo đo <i>Uncertainty of measurement</i> (± kg)
	Giá trị đọc <i>Reading</i> (kg)	Sai lệch <i>Error</i> (kg)	Số hiệu chỉnh <i>Correction</i> (kg)	Giá trị đọc <i>Reading</i> (kg)	Sai lệch <i>Error</i> (kg)	Số hiệu chỉnh <i>Correction</i> (kg)	
20	20	0	0	20	0	0	1,29
150	150	0	0	150	0	0	1,29
200	201	1	-1	201	1	-1	1,29
300	302	2	-2	302	2	-2	1,29
500	502	2	-2	/	/	/	1,29

CÔNG TY TNHH DV ĐO LƯỜNG QMC LÂM ĐỒNG

Lam Dong QMC Ltd.

Địa chỉ (Address): 45 Trần Quang Khải - Phường 8

Đà Lạt - Lâm Đồng

Tel: 0633 535 595 - Fax: 0633 535 595

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Socialist Republic of Vietnam

Independence - Freedom - Happiness



GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

Calibration Certificate

Số(Nº): 020/BD-020

Tên đối tượng : BÌNH DONG
Object

Kiểu : Thang đo Số hiệu: 01
Type Serial No

Nơi sản xuất : Việt Nam Năm :
Manufacture Year

Đặc trưng đo lường : Dung tích danh nghĩa : 10 lít
Specifications Giá trị vạch chia d = 0,1 lít Cấp chính xác : 0,5

Nơi sử dụng : Nhà máy bê tông Tháp Chàm
Place Phường Đô Vinh, Tp Phan Rang Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

Người/đơn vị sử dụng : Công ty cổ phần Gia Việt
User

Phương pháp kiểm định : DLVN 12 : 2011
Method of verification

Kết luận : Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường
Conclusion

Tem kiểm định : 14A 03088
Verification stamp No

Thời hạn KD đến(*) : 31/05/2022
Valid until

Kiểm định viên

(Verifier)

Ngô Văn Nguyễn

Ngày 19 tháng 05 năm 2020

(Date of issue)

Thủ trưởng tổ chức

(Director)



Ngô Quang Quyền

(*) Với điều kiện tôn trọng các quy định về sử dụng và bảo quản.
(With respectfulness of rules of use and maintenance)

CÔNG TY TNHH DV ĐO LƯỜNG QMC LÂM ĐỒNG

Lam Dong QMC Ltd.

Địa chỉ (Add): 45 Trần Quang Khải - Phường 8

Đô Lạt - Lâm Đồng

Tel: 0633 535 595 - Fax: 0633 535 305

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Socialist Republic of Vietnam

Independence - Freedom - Happiness



GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

Calibration Certificate

Số(N^h): 021/BD-020

Tên đối tượng : BÌNH ĐONG
Object

Kiểu : Thang đo Số hiệu : 02
Type Serial No

Nơi sản xuất : Việt Nam Năm :
Manufacture Year

Đặc trưng đo lường : Dung tích danh nghĩa : 10 lít
Specifications Giá trị vạch chia d = 0,1 lít Cấp chính xác : 0,5

Nơi sử dụng : Nhà máy bê tông Tháp Chàm
Place Phường Đỗ Vinh, Tp Phan Rang Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

Người/đơn vị sử dụng : Công ty cổ phần Gia Việt
User

Phương pháp kiểm định : ĐL.VN 12 : 2011
Method of verification

Kết luận : Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường
Conclusion

Tem kiểm định : 14A 03089
Verification stamp No

Thời hạn KD đến(*) : 31/05/2022
Valid until

Kiểm định viên
(Verifier)

Ngô Văn Nguyễn

Ngày 19 (tháng 05 năm 2020
(Date of issue)

Thủ trưởng tổ chức

(Director) HỒ GIÁM ĐỐC



Ngô Quang Quyền

(*) Với điều kiện nêu trong các quy định về sử dụng và bảo quản
(With respectfulness of rules of use and maintenance)

CÔNG TY TNHH DV ĐO LƯỜNG QMC LÂM ĐỒNG

Lam Dong QMC Ltd.

Đôn chi (tên): 45 Trần Quang Khuê - Phường 8

Đà Lạt - Lâm Đồng

Tel: 0633.535.595 - Fax: 0633.535.595

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Socialist Republic of Vietnam

Independence - Freedom - Happiness



GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

Calibration Certificate

Số(N^o): 020/BĐ-020

Tên đối tượng <i>Object</i>	:	BÌNH ĐONG		
Kiểu <i>Type</i>	:	Thang đo	Số hiệu	01
Nơi sản xuất <i>Manufacture</i>	:	Việt Nam	Năm :	Year
Đặc trưng đo lường <i>Specifications</i>	:	Dung tích danh nghĩa : 10 lít Giá trị vạch chia d = 0,1 lít Cấp chính xác : 0,5		
Nơi sử dụng <i>Place</i>	:	Nhà máy bê tông Tháp Chàm		
Người/đơn vị sử dụng <i>User</i>	:	Phường Đô Vinh, Tp Phan Rang Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận Công ty cổ phần Gia Việt		
Phương pháp kiểm định <i>Method of verification</i>	:	ĐLVN 12 : 2011		
Kết luận <i>Conclusion</i>	:	Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường		
Tem kiểm định <i>Verification stamp No</i>	:	14A 03088		
Thời hạn KD đến(*) <i>Valid until</i>	:	31/05/2022		

Kiểm định viên
(Verifier)

Ngô Văn Nguyễn

Ngày 19 tháng 05 năm 2020
(Date of issue)

Thủ trưởng tổ chức
(Director)



Ngô Quang Quyền

(*) Với điều kiện tuân theo các quy định về sử dụng và bảo quản
(With respect to rules of use and maintenance)

THÔNG SỐ KỸ THUẬT TRẠM TRỘN 60M³/H MIXING STATION SPECIFICATIONS

CÔNG TY CP ĐO LƯỜNG

CHẤT LƯỢNG KV2

**KV2 QUALITY MEASUREMENT
CORPORATION**

Địa chỉ: Số 1F Thống Nhất, Đai Sơn, TP Phan Rang
Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

Tel/Fax: 0259 38 39 711, 090 8040451

Email: doluongchatluongkv2@gmail.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Independence - Freedom - Happiness



9001



ISO 17025

GIẤY CHỨNG NHẬN KẾT QUẢ ĐO

CERTIFICATE OF MEASUREMENT RESULTS

- | | |
|---|--|
| 1. Phương tiện đo:
<i>Measuring Instrument</i> | Trạm trộn Bê tông 60 m ³ /h (Trạm 1) |
| 2. Kiểu/Type: | BM 60 |
| 3. Nơi sản xuất:
<i>Manufacturer</i> | VN |
| 4. Đặc trưng kỹ thuật:

<i>Specifications</i> | Công suất thiết kế 60 m ³ /h
Kiểu nổi trộn cưỡng bức 2 trục ngang - 1m ³ /mê
Nguồn điện 380VAC, 50 Hz, 3 phase
Điện năng tiêu thụ 85 Kw |
| 5. Nơi sử dụng:
<i>Place</i> | Nhà máy Bê tông Tháp Chàm
P. Đô Vinh, Tp. Phan Rang Tháp Chàm, Ninh Thuận |
| 6. Người/Dơn vị sử dụng:
<i>User</i> | Công ty Cổ phần Gia Việt |
| 7. Nơi thực hiện:
<i>Place of calibration</i> | Nhà máy Bê tông Tháp Chàm |
| 8. Ngày thực hiện/ <i>Date of calibration</i> : | 10/8/2020 |
| 9. Kết quả đo: xem trang sau | |

TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT

Bùi Hoàng Long

GIÁM ĐỐC



Huỳnh Ngọc Thủy Tiên

BẢNG KẾT QUẢ KIỂM TRA TRẠM TRỌN BM 60 (TRẠM 1)

1. PHẾU CHỨA CỐT LIỆU (CÁT, ĐÁ) – gồm 4 khoang:

STT	TÊN THIẾT BỊ	Xuất xứ	KẾT QUẢ KIỂM TRA THỰC TẾ	ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG THEO HỒ SƠ THIẾT KẾ
1	Khung phễu chứa cốt liệu	VN	- Chén phễu cốt liệu H100x100, giằng U80x38	ĐẠT
2	Vách phễu và vách ngăn phễu chứa cốt liệu	VN	- Tole phần thân 5mm - Tole phần đáy phễu 5mm - Gai cỡ V50, U65x36, tôn 8ly, 10ly	ĐẠT
3	Dung tích	VN	12m ³ /1 khoang	ĐẠT
4	Còn đáy phễu và miệng cốt	VN	Tổng dung tích 12m ³ x 4 khoang= 48m ³	ĐẠT
5	Phễu chứa cốt liệu(cát, đá)	VN	Thép tấm dày 5mm.	ĐẠT
6	Cửa xả cốt liệu	VN	Có 4 khoang, nằm liền kề, dạng cửa xả đều 2 xi lanh x 4 khoang	ĐẠT
7	Xy lanh nén cho cửa xả	Korea	Gồm 2 cửa xả độc lập x 4 khoang = 8 cửa. Tole dày 8mm	ĐẠT
8	Dầm rung phễu cốt liệu	China	2 cái – 1 HP	ĐẠT

2. HỆ THỐNG BẢNG CÂN CỐT LIỆU:

STT	TÊN THIẾT BỊ	Xuất xứ	KẾT QUẢ KIỂM TRA THỰC TẾ	ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG THEO HỒ SƠ THIẾT KẾ
	Bảng tải cân (Bảng tải cân dưới phễu cân	VN	Vận tốc v= 1m/s Năng suất: 150 tấn/giờ	ĐẠT
1	Chiều dài bảng	VN	L= 11.800mm	ĐẠT
2	Chiều rộng bảng	VN	B= 800mm	ĐẠT
3	Khung bảng tải	VN	V70x5, U160x64	ĐẠT
4	Bảng tải cao su	VN	Khô 0.8m, dày 10mm, 5 lớp bố. Bảng tải cao su KOREA.	ĐẠT
5	Loadcell cân	Mỹ	04 loadcell (hãng VLC-Mỹ-xuất xứ Trung Quốc)	ĐẠT
6	Tải trọng cân lớn nhất		4x2000 kg = 8000kg	ĐẠT
7	Cấp chính xác của cân		- Độ chính xác cân tĩnh: ± 0.5% - Độ chính xác cân động: ± 2%	ĐẠT
8	Dầm rung cho bảng cân cốt liệu		1HP	ĐẠT

9	- Tầng chủ động - Tầng bị động - Con lăn	VN	- $\phi 350 \times 900$ mm (cổ bọc cao su 10mm) - $\phi 300 \times 900$ mm - Giá đỡ con lăn 03 hàng - $\phi 90 \times 3,2$ - Vòng bi Nhật	ĐẠT
10	Động cơ + hộp giảm tốc	Nhập khẩu	11KW Hộp số: SUMIMOTO (hoặc Bonfiglioli) Động cơ: CG (sản xuất tại Ấn Độ)	ĐẠT

3. HỆ BẢNG TẢI CHUYỂN CỘT LIỆU: 1 Bộ

STT	TÊN THIẾT BỊ	Xuất xứ	KẾT QUẢ KIỂM TRA THỰC TẾ	ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG THEO HỒ SƠ THIẾT KẾ
1	Khung băng tải	VN	U100x46, U160x64	ĐẠT
2	Chiều dài băng	VN	L= 20.000mm	ĐẠT
	Chiều rộng băng		B= 800mm	ĐẠT
4	Băng tải cao su	VN	Khổ 0.8m, dày 10mm, 5 lớp bố, Băng tải cao su KOREA.	ĐẠT
5	Năng suất tải	VN	200 tấn/giờ	ĐẠT
6	- Tầng chủ động - Tầng bị động - Con lăn	VN	- $\phi 420 \times 900$ mm (cổ bọc cao su 10mm) - $\phi 350 \times 900$ mm - $\phi 90 \times 3,2$ - Vòng bi Nhật	ĐẠT
7	Động cơ + hộp giảm tốc	Nhập khẩu	18KW Hộp số: SUMIMOTO (hoặc Bonfiglioli) Động cơ: CG (sản xuất tại Ấn Độ)	ĐẠT

4. MÃ CHẾ PHÂN KHUNG TRẠM:

STT	TÊN THIẾT BỊ	Xuất xứ	KẾT QUẢ KIỂM TRA THỰC TẾ	ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG THEO HỒ SƠ THIẾT KẾ
1	Chiều cao tại vị trí nhận bể tông	VN	4m – vị trí xả bể tông vào xe bồn	ĐẠT
2	Khung trạm trộn và thanh găng	VN	Chân đỡ trạm trộn sử dụng ống $\phi 168$ 1250x, U120x46	ĐẠT

3	Mặt sàn thao tác	VN	Tôle gân dầy 4mm	ĐẠT
4	Lan can bảo vệ của sàn thao tác	VN	Cao 1m, vuông 30x30	ĐẠT
5	Khung sàn tầng 2	VN	1200, giằng U100	ĐẠT
6	Cầu thang lên xuống	VN	Mặt bằng tôle gân dầy 4mm	ĐẠT
7	Chân trạm trộn	VN	Sử dụng thép ống $\phi 168 \times 5\text{mm}$	ĐẠT

5. NỘI TRỌN BỂ TỔNG:

STT	TÊN THIẾT BỊ	Xuất xứ	KẾT QUẢ KIỂM TRA THỰC TẾ	ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG THEO HỒ SƠ THIẾT KẾ
1	Nhãn hiệu	SICOM A	MEO 1500/1000 – Công nghệ ITALY, sản xuất tại China	ĐẠT
2	Thể tích nạp khô		1500 lít	ĐẠT
3	Khả năng trộn		1000 lít	ĐẠT
4	Mô tơ		2 x 22kW	ĐẠT
5	Mô tơ thủy lực mở cửa cửa		1HP (cơ bơm tay)	ĐẠT
6	Ống thoát hơi nổi trộn		$\Phi 120$	ĐẠT

6. CÂN ĐỊNH LƯỢNG NƯỚC: 1 Bộ

STT	TÊN THIẾT BỊ	Xuất xứ	KẾT QUẢ KIỂM TRA THỰC TẾ	ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG THEO HỒ SƠ THIẾT KẾ
1	Tôle phủ	VN	Dày 5mm	ĐẠT
2	Dung tích	VN	350 lít	ĐẠT
3	Trọng lượng cân lớn nhất	VN	500kg	ĐẠT
4	Loadcell cân	VLC	Hãng VLC-Mỹ(xuất xứ Trung Quốc) loại 500kg/1 load cell	ĐẠT
5	Van xả đáy	Korea	$\Phi 120$, tích hợp cân biến động mở bằng xy lanh khí nén $\phi 50 \times 100$ (Korea)	ĐẠT

6	Bơm nước	PENTAX	1 cái - 3,7 Kw (50m ³ /giờ) – (Việt Nam sản xuất tại Việt Nam)	ĐẠT
7	Ông dẫn nước lên thùng cấn	VN	Φ60x2 – Nhựa Bình Minh	ĐẠT

7. CÁN ĐỊNH LƯỢNG XI MĂNG: 1 bộ

STT	TÊN THIẾT BỊ	Xuất xứ	KẾT QUẢ KIỂM TRA THỰC TẾ	ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG THEO HỒ SƠ THIẾT KẾ
1	Tôe phểu	VN	Đầy 4mm	ĐẠT
2	Dung tích	VN	900 lít, loại kính, thoát khí bằng thông khí với nổi trên.	ĐẠT
3	Trọng lượng cân lớn nhất	VN	600kg	ĐẠT
4	Loadcell cân	Mỹ	03 loadcell/ 14 phểu (hãng VLC-Mỹ-xuất xứ Trung Quốc)-loại 500kg/ 1 loadcell	ĐẠT
5	Đảm rung	TQ	1 cái (China)	ĐẠT
6	Van cánh bướm đáy phểu cấn	WAM	Φ250 tích hợp cảm biến dòng mô bằng xylanh khí nén	ĐẠT
7	Ông thoát hơi phểu cấn xi măng	VN	Φ140 – Nhựa Bình Minh	ĐẠT

8. HỆ THỐNG KHÍ NÉN: 1 Bộ

STT	TÊN THIẾT BỊ	Xuất xứ	KẾT QUẢ KIỂM TRA THỰC TẾ	ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG THEO HỒ SƠ THIẾT KẾ
1	<u>Máy nén khí</u>	FUSHENG	2 Cái, Model: VA-80, công suất 2KW Bên dưới trên trạm sử dụng: 01 cái	ĐẠT
2	Bộ điều áp, tách nước và châm dầu bôi trơn hệ thống khí nén. Xylanh + van điện khí các loại	KOREA	1 bộ tách nước(phểu cấn cắt đá: 1 bộ; Phểu trung gian, cấn nước, xi măng, phụ gia: 01 bộ; và sục khí sục: 1 bộ) Xylanh + van điện khí đồng bộ - Xylanh φ100x150 đồng mô cấn xi phểu trung gian cốt liệu trên cốt (SL: 02 cái) - Xylanh φ63x250 đồng mô cấn xi cấn thô phểu cốt liệu. (SL: 04 cái)	ĐẠT

9. HỆ THỐNG PHẪU CHỒ: 01 bộ

STT	TÊN THIẾT BỊ	Xuất xứ	KẾT QUẢ KIỂM TRA THỰC TẾ	ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG THEO HỒ SƠ THIẾT KẾ
1	Tole phễu chồ	VN	Dày 4mm	ĐẠT
2	Dung tích	VN	1.5 m ³	ĐẠT
3	Cửa xả liệu	VN	800kg x 450mm, dạng cửa kín không để bụi bay ra khi xả liệu	ĐẠT
4	Đàn rung	China	1 cái – 1HP	ĐẠT
5	Xylanh đóng mở cửa	Korea	Φ100x150 số lượng: 2 cái,	ĐẠT

10. PHẪU XẢ BỂ TÔNG: 1 bộ

STT	TÊN THIẾT BỊ	Xuất xứ	KẾT QUẢ KIỂM TRA THỰC TẾ	ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG THEO HỒ SƠ THIẾT KẾ
1	Tole làm phễu	VN	Dày 5mm	ĐẠT
2	Dung tích	VN	1.5 m ³	ĐẠT

11. SILO XI MĂNG: 02 bộ

ST T	TÊN THIẾT BỊ	Xuất xứ	KẾT QUẢ KIỂM TRA THỰC TẾ	ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG THEO HỒ SƠ THIẾT KẾ
1	Số lượng	VN	2 cái	ĐẠT
2	Dung tích	VN	30 tấn/1 silo (Dung tích thực)	ĐẠT
3	Kết cấu		- Đường kính: φ2870 - Phần thân: tole 4-5-6 mm - Phần đáy cốt: 6mm - Phần chốt φ219 dày 5,56mm - Đường ống bơm xi-rôi φ114x3mm	ĐẠT
4	Phụ kiện silo: - Cửa xả xi măng (van bướm)	VN	- 01 cái, Van bướm φ250 (cửa xả đóng mở xi măng từ silo xuống vệt tải)	ĐẠT

	- Thiết bị sục khí chống tạo vòm - Lọc bụi		- 01 đầm rung cũ loại 0,125 KW/01 số	
--	--	--	---	--

12. VÍT TẢI XI MĂNG: 02 bộ

STT	TÊN THIẾT BỊ	Xuất xứ	KẾT QUẢ KIỂM TRA THỰC TẾ	ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG THEO HỒ SƠ THIẾT KẾ
1	Số lượng		2 bộ	ĐẠT
2	Nhãn hiệu	WAM- SICOMA	ITALY, Sản xuất và lắp ráp tại trong nước	
3	Thông số		Dài: L=9.000 mm; Đường kính: Ø219mm	ĐẠT
4	Công suất mô tơ		9,2 KW	ĐẠT
5	Năng suất		60 tấn/giờ	ĐẠT

**CÔNG TY CP ĐO LƯỜNG
CHẤT LƯỢNG KV2**

**KV2 QUALITY MEASUREMENT
CORPORATION**

Địa chỉ: Số 1F Thống Nhất, Dài Sơn, TP Phan Rang
Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận
Tel/Fax: 0259. 38 39 711; 090 8040451
Email: doluongchatluongkv2@gmail.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Independence - Freedom - Happiness



GIẤY CHỨNG NHẬN KẾT QUẢ ĐO
CERTIFICATE OF MEASUREMENT RESULTS

- | | |
|---|--|
| 1. Phương tiện đo:
<i>Measuring Instrument</i> | Trạm trộn Bê tông 60 m ³ /h (Trạm 2) |
| 2. Kiểu/Type: | BM 60 |
| 3. Nơi sản xuất:
<i>Manufacturer</i> | VN |
| 4. Đặc trưng kỹ thuật:

<i>Specifications</i> | Công suất thiết kế 60 m ³ /h
Kiểu nổi trộn cường bức 2 trục ngang – 1m ³ /mê
Nguồn điện 380VAC, 50 Hz, 3 phase
Điện năng tiêu thụ 85 Kw |
| 5. Nơi sử dụng:
<i>Place</i> | Nhà máy Bê tông Tháp Chàm
P. Đô Vinh, Tp. Phan Rang Tháp Chàm, Ninh Thuận |
| 6. Người/Dơn vị sử dụng:
<i>User</i> | Công ty Cổ phần Gia Việt |
| 7. Nơi thực hiện:
<i>Place of calibration</i> | Nhà máy Bê tông Tháp Chàm |
| 8. Ngày thực hiện/ <i>Date of calibration</i> : | 10/8/2020 |
| 9. Kết quả đo: xem trung sau | |

TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT

Bùi Hoàng Long

GIÁM ĐỐC



Huỳnh Ngọc Thủy Tiên

BẢNG KẾT QUẢ KIỂM TRA TRẠM TRỌN BM 60 (TRẠM 2)

1. PHẪU CHỨA CỘT LIỆU (CÁT, ĐÁ) – gồm 4 khoang:

STT	TÊN THIẾT BỊ	Xuất xứ	KẾT QUẢ KIỂM TRA THỰC TẾ	ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG THEO HỒ SƠ THIẾT KẾ
1	Khung phễu chứa cốt liệu	VN	- Chân phễu cốt liệu H100x100, giằng U80x38	ĐẠT
2	Vách phễu và vách ngăn phễu chứa cốt liệu	VN	- Tole phản thân 5mm - Tole phản đáy phễu 5mm - Gia cố V50, U65x36, tấm 8ly, 10ly	ĐẠT
3	Dung tích	VN	12m ³ /1 khoang	ĐẠT
4	Còn đáy phễu và miệng cần	VN	Tổng dung tích 12m ³ x 4 khoang = 48m ³	ĐẠT
5	Phễu chứa cốt liệu(cát, đá)	VN	Thép tấm dày 5mm.	ĐẠT
6	Cửa xả cốt liệu	VN	Có 4 khoang, nằm liền kề, dạng cửa xả đôi 2 xi lanh x 4 khoang	ĐẠT
7	Xy lanh nên cho cửa xả	Korea	Gồm 2 cửa xả đôi lắp x 4 khoang = 8 cửa. Tole dày 8mm	ĐẠT
8	Dẫn rung phễu cốt liệu	China	2 cái – 1 HP	ĐẠT

2. HỆ THỐNG BĂNG CÁN CỘT LIỆU:

STT	TÊN THIẾT BỊ	Xuất xứ	KẾT QUẢ KIỂM TRA THỰC TẾ	ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG THEO HỒ SƠ THIẾT KẾ
	Băng tải cần (Băng tải cần dưới phễu cần)	VN	Vận tốc v= 1m/s Năng suất: 150 tấn/giờ	ĐẠT
1	Chiều dài băng	VN	L= 11.800mm	ĐẠT
2	Chiều rộng băng	VN	B= 800mm	ĐẠT
3	Khung băng tải	VN	V70x5, U160x64	ĐẠT
4	Băng tải cao su	VN	Khổ 0.8m, dày 10mm, 5 lớp bố. Băng tải cao su KOREA.	ĐẠT
5	Loadcell cần	Mỹ	04 loadcell (hãng VLC-Mỹ-xuất xứ Trung Quốc)	ĐẠT
6	Tải trọng cần lớn nhất		4x2000 kg = 8000kg	ĐẠT
7	Cấp chính xác cân cần		- Độ chính xác cân tĩnh: ± 0.5% - Độ chính xác cân động: ± 2%	ĐẠT
8	Dẫn rung cho băng cần cốt liệu		1HP	ĐẠT

9	- Tầng chủ động - Tầng bị động - Con lăn	VN	- $\phi 350 \times 900$ mm (có bọc cao su 10mm) - $\phi 300 \times 900$ mm - Giá đỡ con lăn Ø3 hàng - $\phi 90 \times 3,2$ - Vòng bi Nhật	ĐẠT
10	Động cơ + hộp giảm tốc	Nhập khẩu	11KW Hộp số: SUMIMOTO (hoặc Bonfiglioli) Động cơ: CG (sản xuất tại Ấn Độ)	ĐẠT

3. HỆ BẢNG TẢI CHUYỂN CỘT LIỆU: 1 B5

STT	TÊN THIẾT BỊ	Xuất xứ	KẾT QUẢ KIỂM TRA THỰC TẾ	ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG THEO HỒ SƠ THIẾT KẾ
1	Khung băng tải	VN	U100x46, U160x64	ĐẠT
2	Chiều dài băng	VN	L= 20.000mm	ĐẠT
	Chiều rộng băng		B= 800mm	ĐẠT
4	Băng tải cao su	VN	Khổ 0,8m, dày 10mm, 5 lớp bố. Băng tải cao su KOREA.	ĐẠT
5	Năng suất tải	VN	200 tấn/giờ	ĐẠT
6	- Tầng chủ động - Tầng bị động - Con lăn	VN	- $\phi 420 \times 900$ mm (có bọc cao su 10mm) - $\phi 350 \times 900$ mm - $\phi 90 \times 3,2$ - Vòng bi Nhật	ĐẠT
7	Động cơ + hộp giảm tốc	Nhập khẩu	18KW Hộp số: SUMIMOTO (hoặc Bonfiglioli) Động cơ: CG (sản xuất tại Ấn Độ)	ĐẠT

4. MÃI CHẾ PHẦN KHUNG TRẠM:

STT	TÊN THIẾT BỊ	Xuất xứ	KẾT QUẢ KIỂM TRA THỰC TẾ	ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG THEO HỒ SƠ THIẾT KẾ
1	Chiều cao tại vị trí nhận bê tông	VN	4m – vị trí xả bê tông vào xe ben	ĐẠT
2	Khung trạm trộn và thanh giằng	VN	Chân đỡ trạm trộn sử dụng ống $\phi 168$ 1250x, U120x46	ĐẠT

3	Mặt sàn thao tác	VN	Tole gân dày 4mm	ĐẠT
4	Lan can bảo vệ của sàn thao tác	VN	Cao 1m, vuông 30x30	ĐẠT
5	Khung sàn tầng 2	VN	1 200, giằng U100	ĐẠT
6	Cầu thang lên xuống	VN	Mặt bằng tole gân dày 4mm	ĐẠT
7	Chân trạm trộn	VN	Sử dụng thép ống $\phi 16 \times 5 \text{mm}$	ĐẠT

5. NỘI TRỌN BỂ TỔNG:

STT	TÊN THIẾT BỊ	Xuất xứ	KẾT QUẢ KIỂM TRA THỰC TẾ	ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG THEO HỒ SƠ THIẾT KẾ
1	Nhãn hiệu	SICOM A	MEO 1500/1000 – Công nghệ ITALY, sản xuất tại China	ĐẠT
2	Thể tích nạp khô		1500 lít	ĐẠT
3	Khả năng trộn		1000 lít	ĐẠT
4	Mô tơ		2 x 22kW	ĐẠT
5	Mô tơ thủy lực mở cửa cổ		HHP (cơ bơm tay)	ĐẠT
6	Ống thoát hơi nổi trộn		$\phi 120$	ĐẠT



6. CÂN ĐỊNH LƯỢNG NƯỚC: 1 Bộ

STT	TÊN THIẾT BỊ	Xuất xứ	KẾT QUẢ KIỂM TRA THỰC TẾ	ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG THEO HỒ SƠ THIẾT KẾ
1	Tole phủ	VN	Dày 5mm	ĐẠT
2	Dung tích	VN	350 lít	ĐẠT
3	Trọng lượng cân lớn nhất	VN	500kg	ĐẠT
4	Loadcell cân	VLC	Hãng VLC-Mỹ (xuất xứ Trung Quốc) loại 500kg/1 load cell	ĐẠT
5	Van xả đáy	Korea	$\phi 120$, tích hợp cảm biến dòng mở bằng xy lanh khí nén $\phi 50 \times 100$ (Korea)	ĐẠT

6	Bơm nước	PENTAX	1 cái - 3,7 Kw (50m ³ /giờ) - (Ý sản xuất tại Việt Nam)	ĐẠT
7	Ống dẫn nước lên thùng cân	VN	Φ60x2 - Nhựa Bình Minh	ĐẠT

7. CÂN ĐỊNH LƯỢNG XI MĂNG: 1 bộ

STT	TÊN THIẾT BỊ	Xuất xứ	KẾT QUẢ KIỂM TRA THỰC TẾ	ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG THEO HỒ SƠ THIẾT KẾ
1	Tole phễu	VN	Dày 4mm	ĐẠT
2	Dung tích	VN	900 lít, loại kính, thoát khí bằng thông khí với nổi trộn.	ĐẠT
3	Trọng lượng cân lớn nhất	VN	600kg	ĐẠT
4	Loadcell cân	Mỹ	03 loadcell/ 14 phễu (bảng VLC-Mỹ-sản xuất tại Trung Quốc)-loại 500kg/ 1 loadcell	ĐẠT
5	Đảm rung	TQ	1 cái (China)	ĐẠT
6	Van cánh bướm đáy phễu cân	WAM	Φ250 tích hợp cảm biến đóng mở bằng xylanh khí nén	ĐẠT
7	Ống thoát hơi phễu cân xi măng	VN	Φ140 - Nhựa Bình Minh	ĐẠT

8. HỆ THỐNG KHÍ NÉN: 1 Bộ

STT	TÊN THIẾT BỊ	Xuất xứ	KẾT QUẢ KIỂM TRA THỰC TẾ	ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG THEO HỒ SƠ THIẾT KẾ
1	<u>Máy nén khí</u>	FUSHENG	2 Cái, Model: VA-80, công suất 2KW Bên dưới trên trạm sử dụng: 01 cái	ĐẠT
2	Bộ điều áp, tích nước và châm dầu hơi trong hệ thống khí nén. <u>Xylanh + van điện khí các loại</u>	KOREA	1 bộ tích nước/phễu cân cát đủ; 1 bộ: Phễu trung gian, cân nước, xi măng, phụ gia; 01 bộ: và sự khí silo; 1 bộ) Xylanh + van điện khí đồng bộ - Xylanh Φ100x150 đóng mở cửa xả phễu trung gian cốt liệu trên cở (SL: 02 cái) - Xylanh Φ63x250 đóng mở cửa xả cân thổ phễu cốt liệu. (SL: 04 cái)	ĐẠT

9. HỆ THỐNG PHỄU CHỖ: 01 bộ

STT	TÊN THIẾT BỊ	Xuất xứ	KẾT QUẢ KIỂM TRA THỰC TẾ	ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG THEO HỒ SƠ THIẾT KẾ
1	Tole phễu chõ	VN	Dày 4mm	ĐẠT
2	Dung tích	VN	1,5 m ³	ĐẠT
3	Cửa xả liệu	VN	800kg x 450mm, dạng cửa kín không để bụi bay ra khi xả liệu	ĐẠT
4	Đảm rung	China	1 cái – 1HP	ĐẠT
5	Xylanh đóng mở cửa	Korea	Ø100x150 số lượng: 2 cái.	ĐẠT

10. PHỄU XẢ BỂ TỔNG: 1 bộ

STT	TÊN THIẾT BỊ	Xuất xứ	KẾT QUẢ KIỂM TRA THỰC TẾ	ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG THEO HỒ SƠ THIẾT KẾ
1	Tole làm phễu	VN	Dày 5mm	ĐẠT
2	Dung tích	VN	1,5 m ³	ĐẠT

11. SILO XI MĂNG: 03 bộ

ST T	TÊN THIẾT BỊ	Xuất xứ	KẾT QUẢ KIỂM TRA THỰC TẾ	ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG THEO HỒ SƠ THIẾT KẾ
1	Số lượng	VN	3 cái	ĐẠT
2	Dung tích	VN	80 tấn/1 silo (Dung tích thực)	ĐẠT
3	Kết cấu		- Đường kính: Ø2870 - Phần thân: tole 4-5-6 mm - Phần đáy côn: 6mm - Phần chân Ø219 dày 5,56mm - Đường ống bơm xi măng Ø114x3mm	ĐẠT
4	Phụ kiện silo: - Cửa xả xi măng (van bướm)	VN	- 01 cái, Van bướm Ø250 (cửa xả đóng mở xi măng từ silo xuống vát tải)	ĐẠT

- Thiết bị sục khí chống tạo vòm - Lọc bụi		- 01 đầm rung rũ bụi 0,125 KW/01 silo	
--	--	--	--

12. VÍT TẢI XI MĂNG: 03 bộ

STT	TÊN THIẾT BỊ	Xuất xứ	KẾT QUẢ KIỂM TRA THỰC TẾ	ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG THEO HỒ SƠ THIẾT KẾ
1	Số lượng		3 bộ	ĐẠT
2	Nhãn hiệu	WAM- SICOMA	ITALY, Sản xuất và lắp ráp tại trung quốc	ĐẠT
3	Thông số		Đặc: L=9.000 mm; Đường kính: Ø219mm	ĐẠT
4	Công suất mô tơ		9,2 KW	ĐẠT
5	Năng suất		60 tấn/giờ	ĐẠT

THÔNG SỐ KỸ THUẬT TRẠM TRỘN 90M3/H MIXING STATION SPECIFICATIONS



SICOMA

SICOMA ZHUHAI CO., LTD.

CERTIFICATE OF CONFORMITY

DESCRIPTION: TWIN SHAFT CONCRETE MIXER

MODEL: MA03000/2000ADYCO

SERIAL NO. : 2003100017MAYCR

DATE: MARCH 2020

COMPANY STAMP:



CHECKER: _____



NO.: SC-BG-113/B



THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN MIỀN NAM
SOUTH SAFETY TECHNIQUE INSPECTION COMPANY LIMITED

Địa chỉ: 13 - 15 Đường 16, Khu Phố 5, Phường Tây, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.
VP Miền Bắc: Số 77, Ngõ 233, Đường Chiến Thắng, Phường Quán, Hà Đông, TP. Hà Nội.
VP Nghệ An: P901 Chung cư Trừng An 1, P. Vinh Tân, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An.

Website: kien dinhviennam.vn
MôI: kien dinhviennam@gmail.com
Điện thoại: 0943550113 - 0942404898

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

(CERTIFICATE OF INSPECTION)

Số/Ng: „1898.. /KĐMN

1. Tên thiết bị : **TRẠM TRỌN BỂ TỔNG XI MĂNG 90m³/h**
2. Vị trí lắp thiết bị: **Trạm trộn bê tông CTY CỔ PHẦN GIA VIỆT**
Nhà Máy Bê Tông Cty CP Gia Việt, Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, T. Ninh Thuận
3. Nơi sản xuất : **CTY CP TẬP ĐOÀN MÁY XÂY DỰNG VIỆT NAM**
4. Kiểu : **Cân phễu** Năm sản xuất: **2020**
5. Đặc tính kỹ thuật: **Trạm trộn bê tông có 7 cân**
- Cân số 1: Cân cát, đá 1**
- Kiểu: VLC
- Số chế tạo: **20060014/20060001/20060010**
- Phạm vi đo : 2000 / 2,0 Kg
- Cân số 3: Cân cát, đá 3**
- Kiểu: VLC
- Số chế tạo: **20060003/20060013/20060006**
- Phạm vi đo : 2000 / 2,0 Kg
- Cân số 5: Cân xi măng**
- Kiểu: VLC
- Số chế tạo: **19080021/19080063/19080114**
- Phạm vi đo : 1000 / 1,0 Kg
- Cân số 7: Cân phụ gia**
- Kiểu: VLC
- Số chế tạo: **19080098**
- Phạm vi đo : 30,0 / 0,1 Kg
- Cân số 2: Cân cát, đá 2**
- Kiểu: VLC
- Số chế tạo: **20062357/20060011/20060008**
- Phạm vi đo : 2000 / 2,0 Kg
- Cân số 4: Cân cát, đá 4**
- Kiểu: VLC
- Số chế tạo: **20060002/20060015/20060004**
- Phạm vi đo : 2000 / 2,0 Kg
- Cân số 6: Cân nước**
- Kiểu: VLC
- Số chế tạo: **19080098**
- Phạm vi đo : 500 / 1,0 Kg
6. Đơn vị sử dụng: **CTY CỔ PHẦN GIA VIỆT**
Địa chỉ : **Số 57 Ngõ Gia Tự, P. Thanh Sơn, Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, T. Ninh Thuận**
7. Phương pháp kiểm định : **theo khảo ĐLVN14:2009**
8. Phương tiện kiểm định : **Quả cân chuẩn M3**
9. Hiệu chỉnh :
✦ Không hiệu chỉnh ☐
✦ Có hiệu chỉnh ☒
10. Kết quả kiểm định : **Các hệ thống định lượng : Đạt yêu cầu. (xem chi tiết ở trang sau).**
11. Tem kiểm định số : **„1898..**
12. Ngày kiểm định : **11/9/2020**
13. Ngày kiểm định tiếp theo : **11/9/2021**

Kiểm định viên

NGUYỄN VĂN THỐNG

Ngày 11 tháng 9 năm 2020

GIÁM ĐỐC
NGUYỄN LÊ KHÁNH

- Cân cát đá 1

Kiểm tra mức tải

Độ lặp lại			Giá trị đo kiểm			
Chỉ thị (kg)	Sai lệch (Kg)	Mức tải (kg)	Chỉ thị (kg)		Sai lệch (kg)	
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm
400	1	200	200	199	0	0
400		400	399	399	0	0
399		600	600	599	0	0
		800	800	800	0	0
		1000	1000	-	0	-

- Cân cát đá 2

Kiểm tra mức tải

Độ lặp lại			Giá trị đo kiểm			
Chỉ thị (kg)	Sai lệch (Kg)	Mức tải (kg)	Chỉ thị (kg)		Sai lệch (kg)	
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm
400	0	200	199	199	0	0
400		400	400	400	0	0
		600	600	600	0	0
		800	800	800	0	0
		1000	1000	-	0	-

- Cân cát đá 3

Hệ số hiệu chỉnh: 0,1097

Kiểm tra mức tải

Độ lặp lại			Giá trị đo kiểm			
Chỉ thị (kg)	Sai lệch (Kg)	Mức tải (kg)	Chỉ thị (kg)		Sai lệch (kg)	
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm
400	0	200	200	199	0	0
400		400	400	399	0	0
		600	600	599	0	0
		800	800	800	0	0
		1000	1000	-	0	-

- Cân cát đá 4

Kiểm tra mức tải

Độ lặp lại			Giá trị đo kiểm			
Chỉ thị (kg)	Sai lệch (Kg)	Mức tải (kg)	Chỉ thị (kg)		Sai lệch (kg)	
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm
400	0	200	200	200	0	0
400		400	400	400	0	0
400		600	600	600	0	0
		800	800	800	0	0
		1000	1000	-	0	-

- Cân xi măng

Kiểm tra mức tải

Độ lặp lại			Giá trị đo kiểm			
Chỉ thị (kg)	Sai lệch (Kg)	Mức tải (Kg)	Chỉ thị (kg)		Sai lệch (kg)	
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm
400	0	100	100	100	0	0
400		200	200	200	0	0
400		300	300	300	0	0
		400	400	400	0	0
		500	500	500	0	0
		600	600	-	0	-

- Cân nước

Kiểm tra mức tải

Độ lặp lại			Giá trị đo kiểm			
Chỉ thị (kg)	Sai lệch (Kg)	Mức tải (kg)	Chỉ thị (kg)		Sai lệch (kg)	
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm
100	0	50	50	50	0	0
100		100	100	100	0	0
100		150	150	150	0	0
		200	200	-	0	-

- Cân phụ gia

Kiểm tra mức tải

Độ lặp lại			Giá trị đo kiểm			
Chỉ thị (kg)	Sai lệch (Kg)	Mức tải (kg)	Chỉ thị (kg)		Sai lệch (kg)	
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm
10,0	0	5,0	5,0	5,0	0	0
10,0		10,0	10,0	10,0	0	0
10,0		15,0	15,0	15,0	0	0
		20,0	20,0	-	0	-

Kiểm định viên

 Nguyễn Văn Đông

CHI TIẾT KỸ THUẬT CỦA TRẠM TRỘN BÊ TÔNG 90M3/H

A/ Các thông số kỹ thuật cơ bản của Trạm trộn:			
1	Năng suất trộn	90m³/h	
2	Dung tích một mẻ trộn lớn nhất	2 m³/mẻ	
3	Hệ thống điều khiển	SIEMENS - CHLB Đức	
4	Định lượng các thành phần liệu	3 cân điện tử	
5	Chiều cao xả bê tông	3,8m	
6	Dạng cấp cốt liệu	Phễu - xe xúc lật	
7	Dung tích phễu chứa cốt liệu	15m³/01 thành phẩm	
8	Số thành phần cốt liệu	04 (đá 1 - cát1 - cát 2 đá 2)	
9	Kiểu nổi trộn	Cưỡng bức 2 trục ngang Sicoma/Sdmix	
10	Dung tích thùng trộn bê tông lớn nhất	3000/2000 lít	
11	Dạng cấp cốt liệu	băng tải	
12	Dung tích phễu chứa cốt liệu trung gian	2 m3	
13	Dung tích thùng cân xi măng	900kg	
14	03 vít tải cấp xi măng xiên	Φ219 , L=9.000mm	
15	03 Silo chứa xi măng rời	80 tấn	
16	Định lượng nước	Cân điện tử	
17	Dung tích thùng cân nước	900 lít	
18	Quản lý, theo dõi và thống kê	Máy vi tính PC+ máy in	
19	Điện áp làm việc	380V -50Hz	
20	Công suất điện tiêu thụ toàn trạm	155kw	
B/ Các đặc trưng kỹ thuật của trạm trộn:			
I.	Phần kết cấu cơ khí:		
	Kết cấu tháo lắp nhanh, dễ dàng vận chuyển, kết cấu móng đơn giản, dễ dàng thi công.		
1	03 (ba) Silo chứa Xi Măng:		
	Gồm đầy đủ hệ thống chống tạo vòm bằng khí nén và bộ lọc bụi Xi Măng của hãng SDMIX - Italia (China), đường ống chờ bơm xi măng từ xe chuyển chở Xi Măng rời. Lọc bụi tập trung -công dụng thu hồi lại Xi Măng để sử dụng việc khác trong đó có 1 silo sử dụng tro bay		
	Nội dung	Thông số	Xuất Xứ
1.1	Dung tích chứa	80 tấn/ 01 silo	H.K.T

1.2	Kích thước chi tiết Silo	-Đường kính $\Phi 2870\text{mm}$ x Chiều cao H14.500mm -Thân: Sử dụng tole 4-5mm -Đáy côn: 5mm -Chân: $\Phi 219 \times 5\text{mm}$ -01 cầu thang bên trong và 01 cầu thang bên ngoài phục vụ cho việc kiểm tra, bảo trì, bảo hành. -Sàn thao tác Silo bằng tole xé.	H.K.T
1.3	Phụ kiện Silo	-01 Lọc bụi Xi Măng - 01 Van bướm $\Phi 250$ - 01 Sục khí chống tạo vòm	H.K.T
1.4	Lọc bụi xi măng + báo mức silo:		
	Số lượng	01 bộ lọc tập trung dưới đất	WAM/SDMIX/LYS
	Lọc bụi	V2, giữ bụi dạng rung	
2	Phễu chứa cát, đá:		
	Phễu được chia làm 04 ngăn tương ứng chứa các loại cốt liệu- 04 phễu cân độc lập. Mỗi phễu gồm 4 miếng xả: góc xả có độ dốc lớn: tránh ghệt, vật liệu rơi nhanh. Sử dụng cấp liệu bằng xe xúc lật, dạng mo đun - thuận lợi vận chuyển và lắp dựng.		
	Nội dung	Thông số	Xuất Xứ
2.1	Dung tích	15m ³ /01 khoang cho 01 thành phần	H.K.T
2.2	Chiều rộng miệng khoang đổ liệu	3.100 mét x2,5	H.K.T
2.3	Chiều cao đổ liệu	H = 4m	H.K.T
2.4	Chân đỡ	Bằng thép hình tiêu chuẩn - Chân I200x100, khung phễu U160 -Thanh giằng U100x46	H.K.T
2.5	Vách phễu và vách ngăn phễu cốt liệu	-Tole 5	H.K.T
2.6	Cửa chao xả cốt liệu(cát,đá)	-Tole 8mm - mạ kẽm chống ăn mòn	H.K.T
2.7	Đầm rung cát đá, đá mi	03 cái - 03 pha	
2.8	Cửa xả bằng xi lanh khí nén	08 cái/ $\Phi 80 \times 300\text{mm}$	Airtac

2.9	Băng tải cân	-B800x12mx10mm - Motor hộp số : 11KW -Tole phễu băng cân : 6mm	hộp số Bonfigioli-Ấn Độ
2.1	Sàn thao tác	Thuận tiện cho việc sửa chữa, bảo trì	H.K.T
3	Phễu chứa liệu (cát đá) trung gian trên cối trộn		
	Nội dung	Thông số	Xuất Xứ
3.1	Dung tích chứa	2 m3	H.K.T
3.2	Đóng mở bằng khí nén	xilanh 80x150	Airtac
3.3	Báo mức bằng loadcell	2 tấn	VLC-USA
3.4	Vách phễu và cửa chao	tole 5mm và 8mm	H.K.T
4	Hệ thống 03 vít tải xiên cấp Xi Măng cho cân ximăng		
	Nội dung	Thông số	Xuất Xứ
4.1	Kích thước	Φ219, L=9m	WAM/SDMIX/LYS-Italya (China)
4.2	Năng suất	40T/h	
4.3	Hộp giảm tốc liên động cơ	11Kw-1450V/p	
5	Băng tải xiên chuyển cát , đá lên phễu trung gian cấp cho cối trộn :		
	Nội dung	Thông số	Xuất Xứ
5.1	Băng tải xiên	- B800x32mx10mm - Motor hộp số : 30 KW	hộp số Bonfigioli-Ấn Độ
5.2	Khung băng tải xiên	- U 160,V63	
5.3	Che băng tải	- khung vòm ,bạc che mưa theo băng	
5.4	công suất băng tải xiên	- 250 T/H	
6	Hệ thống khung trạm Cabin điều khiển		
	Nội dung	Thông số	Xuất Xứ
6.1	Khung đỡ trạm sử dụng thép hình	Khung chính I250, I200,U200,U160	H.K.T
6.2	Mặt sàn thao tác	Tole gân dày 3mm	
6.3	Tay vịn	Cao 1m, ống Φ34, Φ21	
6.4	Cầu thang lên xuống	Mặt bằng tole gân 3mm, khung cầu thang U100	

6.5	Cabin điều khiển có kích thước	D*R*C=2*2,5*2,5m đặt khung trên trạm -Cửa kính có Joang chống bụi -Lắp đều hoà 9.000BTU loại hai cực -Hệ thống đèn chiếu sáng tiêu chuẩn.	H.K.T
7	Hệ thống khí nén		
	Việc điều khiển các cơ cấu chấp hành như: đóng mở các cửa cấp cát đá cho cân cốt liệu, đóng mở cửa xả cho cân Xi Măng và cân nước, thực hiện bằng hệ thống khí nén gồm:		
	Nội dung	Thông số	Xuất Xứ
7.1	01 máy khí nén VA100	lưu lượng 660 lít/phút áp suất tối đa 10kg/cm²	FUSHENG
7.2	08 xi lanh	Φ80X300 mở cửa xả cân đá ,cát	Airtac-Taiwan
7.3	02 Xi lanh	Φ100 x 150 mở cửa xả phễu trung gian	Airtac-Taiwan
7.4	02 bộ tích hợp cửa xả xi lanh	Φ300,Φ150 mở cửa cân xi măng, cân nước.	WAM/SDMX/LYS
7.5	Các van điện khí điều khiển các xi lanh khí nén		Airtac-Taiwan
7.6	Hệ thống đường ống và dây dẫn khí nén, cắt nối... chịu được áp suất tối đa 20kg/cm²		
8	Cối trộn bê tông:		
	Thùng trộn cưỡng bức 2 trục ngang hiệu SICOMA/SDMX Công Nghệ Italya sản xuất tại China mới 100%, có:		
	Nội dung	Thông số	Xuất Xứ
8.1	Dung tích: Thể tích thùng trộn:	3000 lít	Italya (China)
8.2	Bê tông tươi nắn chặt	2000 lít	
8.3	Động cơ có công suất	2x37kw	
8.4	Cơ cấu dẫn động, động cơ điện qua hộp số truyền		
8.5	Đóng mở cửa bằng	xilanh thủy lực	
8.6	Sơn chống rỉ và trang trí	Màu vàng (theo nhà sản xuất)	
9	Hệ thống nước cấp và cân nước:		
	01 bộ bơm cấp nước vào cân nước nhập của hãng PANTAK - ITALYA có thông số kỹ thuật như sau:		
	Nội dung	Thông số	Xuất Xứ
9.1	Công suất động cơ	5,5kw	PANTAK (ITALY)

9.2	Năng suất bơm	40 m ³ /h	
9.3	Thùng cân nước	- Thể tích chứa 900 lít - Tole 5 mm , mạ kẽm	H.K.T
9.4	Bể chứa nước chính cấp cho cân nước, có thể tích 5m ³ tole dày 3mm		
9.4	Hệ đường ống mạ kẽm tiêu chuẩn với đủ van, vòi rửa và cấp nước dự phòng		
10	Thùng cân xi măng :		
	Nội dung	Thông số	Xuất Xứ
10.1	Thùng cân xi măng	- Trọng lượng chứa 1000 kg - Tole 5 mm	H.K.T
C/	Phần định lượng:		
1	Cân cốt liệu: các loại đá, cát		
	Dạng cân	độc lập các thành phần	
	Tổng khối lượng cân	8,000kg	
	Số thành phần	04	
	Sai số tính đạt	≤ 2%	
	Sử dụng 04 đầu cân chữ Z (loadcell) cho 01 phễu cân	2000kg –VLC/KALI -USA	
2	Cân xi măng:		
	Tổng khối lượng cân đến	1,000kg	
	Số thành phần cho phép đến	02	
	Sai số tính đạt	≤2%	
	Sử dụng 03 đầu cân thanh (loadcell)	1,000kg –VLC/KALI- USA	
3	Cân nước		
	Khối lượng cân đến	900kg	
	Số thành phần cho phép đến	01	
	Sai số tính đạt	≤ 2%	
	Sử dụng 01 đầu cân chữ Z(loadcell)	2000kg –VLC/KALI - USA	

